

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2021/DS-PT

Ngày: 23/3/2021

V/v: Tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Tấn

Các Thẩm phán: 1/ Ông Chung Văn Kết

2/ Ông Tô Chánh Trung

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân: Trần Ngọc Đảm, Kiểm sát viên cao cấp Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 23/3/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm, thụ lý số 667/2019/TLPT-DS ngày 27/12/2019, về việc: “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”, giữa các bên đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lâm Văn S, sinh năm 1951.

Địa chỉ: Định cư tại: 2 T St QLA 4215 Australia (Úc).

Nơi tạm trú: 777A NTMK, khóm X, P.Y, Tp.Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Nguyễn Văn Đ (Có mặt)

Địa chỉ: 134 NĐ, khóm X, P.Y, Tp.T, tỉnh Trà Vinh

Bị đơn: 1/ Ông Nguyễn Văn T, sinh nam 1953.

2/ Bà Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1977

Địa chỉ: ấp H, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh

(Có đơn xin xử vắng mặt).

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh năm 1982. (Có đơn xin xử vắng mặt).

Địa chỉ: 14 TC Cararra QLĐ 4211, Australia (Úc)

Người kháng cáo: Ông Lâm Văn S là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn và lời khai của phía nguyên đơn ông Lâm Văn S trình bày:

Ông là con rể của ông Nguyễn Văn T và là em rể của bà Nguyễn Thị Ngọc H. Từ năm 2016 đến năm 2018, ông có cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Ngọc H mượn tiền nhiều lần với tổng số tiền 274.503.000đồng.

Việc cho mượn tiền bằng hình thức gửi tiền nhiều lần qua dịch vụ chuyển tiền Cty Bao Bao Money Tranfer và có chứng từ ký nhận kèm theo. Mục đích mượn tiền là để ông T cất nhà cho vợ chồng ông về Việt Nam thì có chỗ ở, nhưng hiện nay vợ chồng ông đã ly hôn nên ông không thể ở trong căn nhà của ông T, khi cho mượn tiền thì hai bên không có thỏa thuận về thời gian và phương thức thanh toán.

Ngoài ra, ông có gửi về cho bà Nguyễn Thị Ngọc H nhận tổng cộng số tiền 233.215.000đồng.

Nay ông yêu cầu ông Nguyễn Văn T trả cho ông số tiền 274.503.000đồng và yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc H trả cho ông số tiền 233.215.000đồng, ông không yêu cầu tính lãi.

Theo đơn và lời khai của phía bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông là cha vợ của ông Lâm Văn S. Từ năm 2016 đến năm 2017, ông S có nhiều lần gửi tiền về Việt Nam cho ông nhận thông qua công ty dịch vụ thực hiện việc chuyển tiền từ nước ngoài về. Ông thống nhất tổng số tiền ông S gửi ông nhận là 274.503.000đồng.

Nhưng mục đích ông nhận số tiền này là để mua nữ trang cho vợ ông S tên Nguyễn Thị Ngọc H1, gồm 01 mặt dây chuyền giá 42.000.000đồng, 01 đồng hồ giá 38.400.000đồng, 01 hạt kim cương giá 136.600.000đồng, tổng cộng là 218.000.000đồng, số nữ trang này ông đã giao cho ông S đem về Úc.

Số tiền chênh lệch còn lại ông mua quần áo, thức ăn và dụng cụ làm nail cho H1 (phần này không có chứng từ nên ông không thể cung cấp cho Tòa án được) và ông S cũng đã trực tiếp nhận để mang về Úc, ông T xác định không có mượn tiền của ông S như ông S đã trình bày, nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông S.

Theo đơn và lời khai của phía bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

Bà là chị vợ của ông S. Từ năm 2016 đến năm 2018, ông S có nhiều lần gửi tiền về Việt Nam cho bà nhận thông qua công ty dịch vụ thực hiện việc chuyển tiền từ nước ngoài về, tổng số tiền 231.580.000đồng.

Nhưng mục đích bà nhận số tiền này là để mua nữ trang gồm 01 chiếc kiềng giá 21.580.000đồng, 01 vòng đeo tay 14K giá 134.000.000đồng 01 vũ nhẫn giá 76.000.000đồng, tổng cộng giá trị là 233.215.000đồng, đã đưa cho ông S nhận trực tiếp để đem qua Úc cho bà H1 vợ ông S nhận, số tiền còn lại bà mua quần áo, thức ăn và dụng cụ làm nail cho bà H1, ông S cũng đã trực tiếp nhận đem mang về Úc,

bà không có mượn tiền của ông S vì trước giờ bà ở riêng, không có ở chung nhà với cha của bà là ông T và bà cũng không có cất nhà gì vào thời gian này nên ông S cho rằng bà mượn tiền để cất nhà là hoàn toàn không đúng sự thật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc H1 trình bày:

Bà là con của ông Nguyễn Văn T, là em của bà Nguyễn Thị Ngọc H và trước đây là vợ của ông Lâm Văn S (hiện nay giữa bà và ông S đang giải quyết việc ly hôn tại nước Úc).

Bà sang Úc định cư từ năm 2011, từ trước đến giờ bà có nhiều lần gửi tiền về Việt Nam cho cha và chị của bà. Do bà và ông S sống tại Úc nhưng vẫn sử dụng các đồ dùng tại Việt Nam và hàng năm ông S đều có khoảng một đến hai lần trở về Việt Nam, nên bà gửi tiền về cho cha và chị của bà mua đồ dùng, nữ trang mà bà thích, đồ dùng làm nail để mỗi lần ông S về Việt Nam thì sẽ nhận để mang về Úc vợ chồng cùng sử dụng chung và nữ trang thì bà vẫn đang đeo.

Bà xác định không có việc gửi tiền về cất nhà và không có việc cho mượn tiền như ông S đưa ra.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2019/DS-ST ngày 01/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, đã tuyên xử:

1/ Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn S về việc đòi ông Nguyễn Văn T trả số tiền là 274.503.000đồng và đòi bà Nguyễn Thị Ngọc H trả số tiền là 233.215.000đồng.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lâm Văn S được miễn nộp, hoàn trả cho ông Lâm Văn S số tiền 12.154.000đồng tạm ứng án phí DSST theo Biên lai thu số 0003872 ngày 24/5/2019 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Trà Vinh.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan đến thời hạn và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 04/11/2019 ông Lâm Văn S làm đơn kháng cáo, nêu lý do:

Bản án sơ thẩm không thỏa đáng, gây thiệt hại quyền lợi của ông, đề nghị phúc xử lại theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi lại tài sản của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Phía nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo cho rằng, số tiền nợ mà ông S đòi là số tiền mà ông đưa cho ông T và bà H bằng tiền mặt, vì là chỗ gia đình nên không có giấy mượn, nhưng việc mượn tiền là có thật.

Phía bị đơn có Văn bản xin xét xử vắng mặt.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành Phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng trình tự, thủ tục theo luật định, tại phiên tòa những người tham gia tố tụng cũng đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung giải quyết: Đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Lâm Văn S làm trong hạn luật định, nên thủ tục kháng cáo hợp lệ.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì vụ án có quan hệ tranh chấp về: “Đòi lại tài sản”. Quan hệ pháp luật trên được quy định tại Điều 166 Bộ luật Dân sự.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và giải quyết đúng thẩm quyền được pháp luật quy định tại Điều 26, Điều 37 Bộ Luật tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung giải quyết yêu cầu của đương sự:

[3.1] Phía ông S xác định có cho cha vợ ông là ông T mượn số tiền 274.503.000đồng, cho chị vợ là bà H mượn số tiền 233.215.000đồng, mục đích để xây nhà cho vợ chồng ông S về Việt Nam ở, nhưng nay vợ chồng ông đã ly hôn nên ông S yêu cầu đòi lại.

Phía ông T, bà H thừa nhận có nhận tiền của ông S gửi qua Cty chuyển tiền nhiều lần, nhưng đã mua nữ trang, vật dụng sinh hoạt giao ông S đem về Úc, nên không đồng ý yêu cầu đòi nợ của ông S.

Ông S xác định đã nhận số nữ trang và vật dụng đem về Úc, nhưng số tiền mà ông đòi là tiền cho mượn ông giao trực tiếp bằng tiền mặt cho ông T và bà H.

Do không thống nhất các yêu cầu, nên các bên đương sự đã phát sinh tranh chấp.

[3.2] Xét:

Theo khoản 1, khoản 4 Điều 91 Bộ Luật tố tụng Dân sự, quy định về nghĩa vụ chứng minh như sau:

Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp.

Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

Theo Điều 93 Bộ Luật tố tụng Dân sự, quy định về chứng cứ như sau:

Chứng cứ trong vụ việc dân sự là những gì có thật được đương sự và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác giao nộp, xuất trình cho Tòa án trong quá trình tố tụng hoặc do Tòa án thu thập được theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định và được Tòa án sử dụng làm căn cứ để xác định các tình tiết khách quan của vụ án cũng như xác định yêu cầu hay sự phản đối của đương sự là có căn cứ và hợp pháp.

Đối chiếu với trường hợp khởi kiện của ông S thì thấy:

Ông S khởi kiện ông T, bà H đòi đòi số tiền nợ và cho rằng vì trước đây là người trong gia đình nên không có làm giấy mượn nợ, ông T bà H không thừa nhận có mượn nợ.

Ngoài những lời khai nại nêu trên, phía ông S không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình.

Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, căn cứ lời khai của các bên đương sự, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp được pháp luật quy định tại Điều 91, Điều 93 Bộ Luật tố tụng Dân sự, như đã viện dẫn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía ông S kháng cáo, nhưng cũng không đưa được những tài liệu chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng của mình, nên không có cơ sở chấp nhận.

[4] Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[5] Về phần án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên Bản án sơ thẩm, nên phía ông S là người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo luật định, do ông S là người cao tuổi nên được miễn án phí DSPT theo luật định.

Bởi các lẽ trên.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ Luật tố tụng Dân sự 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lâm Văn S. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 26, 37, 147, 228 Bộ Luật tố tụng Dân sự 2015.

Áp dụng các Điều 166 Bộ luật Dân sự 2015.

Áp dụng Nghị quyết về Lệ phí, án phí tòa án.

Áp dụng Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1/ Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn S, về việc đòi ông Nguyễn Văn T trả số tiền là 274.503.000đồng và đòi bà Nguyễn Thị Ngọc H trả số tiền là 233.215.000đồng.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lâm Văn S được miễn nộp, hoàn trả cho ông Lâm Văn S số tiền 12.154.000đồng tạm ứng án phí DSST theo Biên lai thu số 0003872 ngày 24/5/2019 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Trà Vinh.

3/ Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông S được miễn nộp.

3/ Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

4/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao.
- VKSNDCC tại Tp. HCM.
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh.
- Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Trà Vinh.
- Các đương sự (Đề thi hành).
- Lưu văn phòng; hồ sơ vụ án, PQH.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÊ HOÀNG TẤN